TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĂN LÂM** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2022/DS – ST
Ngày 14-9-2022
"V/v: Tranh chấp giao dịch dân sự"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN LÂM, TỈNH HƯNG YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Đỗ Văn Mười.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Thu Thủy và ông Đào Văn Khanh.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: Bà Đinh Thị Vân Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Lâm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lâm tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Phượng – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 45/2021/TLST-DS ngày 16/11/2021 về việc: "*Tranh chấp đòi tiền bồi thường quyền sử dụng đất nông nghiệp"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2022/QĐXX – DS ngày 30 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1976, có mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1960, có mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà Hoàng Thị N, sinh năm 1962, có mặt.

Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1981, có mặt.

Đều có địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/11/2021 và các lời khai nguyên đơn trình bày: Năm 2011 ông Nguyễn Văn C là anh ruột của ông cần tiền nên đã lấy của ông số tiền 160.000.000 đồng và bảo gạt trả bằng 2 sào ruộng 720 m 2 ở xứ đồng C, trước khi lấy tiền ông C có gọi điện cho ông và nói chuyện với ông về việc này, ông đồng ý và bảo ông C lên nhà bố vợ ông là ông Nguyễn Hữu L lấy

tiền vì lúc đó ông đang đi xuất khẩu lao động ở Hàn Quốc và gửi tiền về cho bố vợ giữ hộ. Ông C nhận tiền và có ghi giấy gạt trả bà T là vợ ông hai sào ruộng. Sau khi vợ chồng ông về nước do không có nhu cầu nên vợ chồng không sử dụng ruộng, ông C cho thuê và đã trả vợ chồng ông hai năm tiền cho thuê với số tiền khoảng 14.000.000 đồng. Khi biết có dự án thu hồi, đền bù đất ruộng, ông có trao đổi với ông C để ông C trả ông số tiền đền bù theo dự án, nhưng ông C không đồng ý. Ông khởi kiện yêu cầu ông C trả ông tiền đền bù 02 sào ruộng theo mức tiền dự án đã thanh toán với số tiền là 541.700.000 đồng (năm trăm bốn mươi mốt triệu, bảy trăm nghìn đồng).

Lời khai bị đơn ông Nguyễn Văn C trình bày: Trước đây do cần tiền lo cho con cái học tập và bố mẹ già yếu nên ông có gọi điện cho em trai là ông L đang lao động ở Hàn Quốc hỏi vay tiền, ông L có nói tiền để trên nhà ông L1 là bố vợ và bảo lên lấy tiền. Ông có lên nhà ông L1 vào ngày 17/9/2011 để lấy tiền và ông L1 có giao cho ông số tiền 160.000.000 đồng và bắt ông viết, ký giấy, nội dung giấy ông nhận số tiền này và chuyển 02 sào ruộng cho bà T là con gái ông L1. Việc vay tiền ông có trao đổi với ông L trước khi lấy tiền khoảng 1 tuần. Nay ông L không thừa nhận là vay tiền mà yêu cầu trả 02 sào ruộng ông không nhất trí vì hiện nay đã thu hồi theo dự án, ông đề nghị trả ông L số tiền 160.000.000 đồng và tiền lãi suất từ khi vay theo lãi suất Ngân hàng. Ông xác định thực chất là việc vay tiền, lý do viết giấy chuyển đổi hai sào ruộng là do ông L1 bảo viết, ông cần tiền nên viết theo yêu cầu của ông L1, thời điểm đó ông L bà T chưa kết hôn (đăng ký) nên ông L1 yêu cầu viết giấy như vậy.

Ngoài ra ông C đề nghị Tòa án xem xét chia thừa kế tài sản của bố mẹ mà ông L đã nhận đền bù 1444m^2 đất ruộng vì anh em ký ủy quyền cho ông L nhận và 180m^2 đất của ông và em ông, nếu ông L chia các tài sản này thì ông sẽ trả ông L số tiền đã vay.

Lời khai của bà N: Bà là vợ ông C, bà nhất trí với các ý kiến của ông C đã trình bày, nhất trí trả ông L số tiền 160.000.000 đồng và tiền lãi suất từ khi vay theo lãi suất Ngân hàng.

Lời khai của T: Bà là vợ ông L, vợ chồng bà đã tổ chức lễ cưới từ năm 2005 và chính ông C đại diện cho gia đình, nên việc ông C trình bày bà và ông L thời điểm 2011 chưa phải là vợ chồng là không đúng. Bà xác định khi ông C lấy tiền chồng bà có trao đổi, đây là tiền của vợ chồng bà gửi ông L1 giữ hộ, bà nhất trí với các ý kiến của ông L đã trình bày, yêu cầu ông C trả tiền đền bù 02 sào ruộng theo mức tiền dự án đã thanh toán như chồng bà trình bày trên.

Lời khai của ông L1 trình bày: Ông là bố đẻ bà T, việc ông C lên nhà ông lấy tiền và có ghi giấy nội dung chuyển trả bằng hai sào ruộng là đúng, ông C tự nguyện viết, ông không ép buộc gì ông C, việc ông C trình bày ép buộc là không đúng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Do các đương sự không thống nhất được với nhau về giải quyết vụ án, nên phải đưa vụ án ra xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên tại phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đương sự là nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã chấp hành quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 116, Điều 117, Điều 119, Điều 288, Điều 463, Điều 466, Điều 357, Khoản 2 Điều 468 Điểm b Khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015. Điều 46, Điều 127 Luật đất đai năm 2003.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L yêu cầu ông Nguyễn Văn C phải trả số tiền 541.700.000 đồng (năm trăm bốn mươi mốt triệu, bẩy trăm nghìn đồng).

Chấp nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn C và bà Hoàng Thị N, buộc ông Nguyễn Văn C và bà Hoàng Thị N có nghĩa vụ liên đới trả ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị T số tiền gốc là 160.000.000 đồng (một trăm sáu mươi triệu đồng), số tiền lãi tính đến ngày xét xử là 175.118.933 đồng tiền lãi (một trăm bẩy mươi lăm triệu, một trăm mười tám nghìn, chín trăm ba mươi ba đồng). Tổng cộng cả gốc và lãi phải thanh toán là 335.118.933 đồng tiền lãi (ba trăm ba mươi lăm triệu, một trăm mười tám nghìn, chín trăm ba mươi ba đồng).

Về án phí: Buộc đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Văn Lâm nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Ông Nguyễn Văn L khởi kiện ông Nguyễn Văn C về tranh chấp giao dịch dân sự. Đây là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về luật nội dung áp dụng*: Thời điểm các bên xác lập quan hệ giao dịch vào ngày 17 tháng 9 năm 2011, hiện nay các bên vẫn đang trong quá trình thực hiện giao dịch, nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015, nên áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 để giải quyết.

[3] *Về nội dung:* Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy: Do quan hệ là anh em ruột, nên ngày 17/9/2011 ông Nguyễn Văn C đã

lấy số tiền là 160.000.000 đồng (một trăm sáu mươi triệu đồng) của vợ chồng ông Nguyễn Văn L. Ông C có viết giấy với nội dung " *Tôi: Nguyễn Văn C nhận của ông Nguyễn Hữu L1 số tiền 160.000.000 đ (một trăm sáu mươi triệu đồng chẵn). Chuyển đổi cho em T 2 sào ruộng (hai sào)*" Ông C thừa nhận việc nhận tiền và viết giấy, nên xác định ông Nguyễn Văn C có giao dịch nhận tiền của ông Nguyễn Văn L là sự thật.

Xét về việc ông L và bà T cho rằng đây là giao dịch mua bán ruộng: Theo quy định về việc chuyển nhượng, chuyển đổi quyền sử dụng đất, nếu hai bên chuyển nhượng thì cần phải có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lập hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất, công chứng hoặc chứng thực và đăng ký theo quy định của pháp luật. Thời điểm các bên thực hiện giao dịch là ngày 17/9/2011, theo quy định tại Điều 46, Điều 127 Luật đất đai năm 2003 đã quy định bắt buộc các bên phải thực hiện nội dung và hình thức giao dịch, đăng ký theo quy định của pháp luật. Nhưng giao dịch mới chỉ có giấy viết tay nội dung không đúng quy định pháp luật như trên là không đảm bảo về mặt nội dung, hình thức giao dịch. Do vậy không có căn cứ xác định việc chuyển nhượng hoặc chuyển đổi quyền sử dụng đất giữa ông L với ông C, nên không chấp nhận việc ông Nguyễn Văn L yêu cầu ông Nguyễn Văn C phải thanh toán số tiền là 541.700.000 đồng (năm trăm bốn mươi mốt triệu, bảy trăm nghìn đồng).

Tuy nhiên ông C tự nguyện thanh toán trả ông L số nợ gốc là 160.000.000 đồng (một trăm sáu mươi năm triệu đồng) và lãi suất theo mức lãi suất Ngân hàng, ông C không xác định là lãi suất tiền vay hay tiền gửi mà đề nghị lãi suất theo Ngân hàng, bà N là vợ ông C cũng nhất trí là có căn cứ chấp nhận sự tự nguyện, buộc vợ chồng ông C phải trả vợ chồng ông L số tiền gốc và lãi suất theo quy định của pháp luật mới giải quyết triệt để vụ án và đảm bảo quyền lợi chính đáng cho các bên đương sự. Tại phiên tòa ông L và bà T xác định số tiền ông C nhận là tài sản chung của vợ chồng, nên ông C và bà N có nghĩa vụ liên đới thanh toán trả vợ chồng ông L số tiền gốc và lãi.

[4] *Xét về tiền lãi*: Mặc dù Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng chấp nhận sự tự nguyện của vợ chồng ông C trả lãi theo mức lãi suất tiền vay theo quy định của pháp luật. Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015 và hướng dẫn tại điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, thì giao dịch các bên vẫn đang thực hiện và có nội dung hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử sẽ căn cứ quy định lãi suất theo Bộ luật Dân sự năm 2015 để xem xét là phù hợp.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật Dân sự thì trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại

khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này. Tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự quy định mức lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 là 20%/năm.

Như vậy mức lãi suất quy định là 20%/năm tính trên số tiền gốc vay, tính ra tháng là 1,66%/tháng; 50% của mức lãi suất 1,66%/tháng là 0,83%/tháng.

Ngày các bên giao dịch là 17/9/2011, như vậy nghĩa vụ chịu tiền lãi từ ngày 18/9/2011 đến ngày xét xử là 10 năm 11 tháng 26 ngày.

160.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 10 năm 11 tháng 26 ngày = 175.118.933 đồng tiền lãi (một trăm bẩy mươi lăm triệu, một trăm mười tám nghìn, chín trăm ba mươi ba đồng). Tổng cộng cả gốc và lãi phải thanh toán là 335.118.933 đồng tiền lãi (ba trăm ba mươi lăm triệu, một trăm mười tám nghìn, chín trăm ba mươi ba đồng).

Đối với việc ông Nguyễn Văn C yêu cầu chia thừa kế tài sản của bố mẹ do ông L được ủy quyền nhận, nhưng không làm đơn phản tố, không nộp tạm ứng án phí, làm các trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật, nên sau này ông C có quyền khởi kiện ở vụ kiện riêng.

[5] *Về án phí*: Mặc dù Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng chấp nhận sự tự nguyện của vợ chồng ông C buộc vợ chồng ông C phải thanh toán, nên bên có nghĩa vụ thanh toán phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Số tiền tạm ứng án phí mà ông L đã nộp sẽ trả lại cho ông.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 116, Điều 117, Điều 119, Điều 288, Điều 463, Điều 466, Điều 357, Khoản 2 Điều 468, Điểm b Khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015. Điều 46, Điều 127 Luật đất đai năm 2003.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L yêu cầu ông Nguyễn Văn C phải trả số tiền 541.700.000 đồng (năm trăm bốn mươi mốt triệu, bẩy trăm nghìn đồng).

Chấp nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn C và bà Hoàng Thị N, buộc ông Nguyễn Văn C và bà Hoàng Thị N có nghĩa vụ liên đới trả ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị T số tiền gốc là 160.000.000 đồng (một trăm sáu mươi triệu đồng), số tiền lãi tính đến ngày xét xử là 175.118.933 đồng tiền lãi (một trăm bẩy mươi lăm triệu, một trăm mười tám nghìn, chín trăm ba mươi ba đồng). Tổng cộng cả gốc và lãi phải thanh toán là 335.118.933 đồng tiền lãi (ba trăm ba mươi lăm triệu, một trăm mười tám nghìn, chín trăm ba mươi ba đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Buộc ông Nguyễn Văn C và bà Hoàng Thị N phải chịu 16.755.900 đồng (mười sáu triệu, bẩy trăm năm mươi năm nghìn, chín trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại ông Nguyễn Văn L 12.834.000 đồng (mười hai triệu, tám trăm ba mươi tư nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 11558 ngày 10/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, lên Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKS nhân dân, THADS huyện;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đỗ Văn Mười